

Số: 13 /2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải
hành khách công cộng bằng xe buýt**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên phạm vi toàn quốc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe buýt có các điểm dừng đón, trả khách và phương tiện chạy theo biểu đồ vận hành.

2. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm: đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm

cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa; trạm cung cấp năng lượng cho xe buýt.

3. Phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm xe buýt sử dụng năng lượng sạch và xe buýt thông thường.

4. Xe buýt thông thường là xe buýt chỉ sử dụng nhiên liệu xăng, dầu.

5. Xe buýt sử dụng năng lượng sạch là xe buýt sử dụng khí hóa lỏng, khí thiên nhiên, điện thay thế xăng, dầu.

Điều 4. Cơ chế, chính sách về quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

1. Ưu tiên bố trí đủ kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho công tác lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, với các chỉ tiêu trong quy hoạch gồm: tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng, quỹ đất, giải pháp kết nối với các phương thức vận tải khác, tỷ lệ phương tiện sử dụng năng lượng sạch, tỷ lệ phương tiện đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận.

2. Ưu tiên tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi: vốn vay viện trợ phát triển chính thức (ODA), vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào nguồn lực địa phương hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 5. Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phương tiện vận tải

1. Miễn thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Miễn lệ phí trước bạ đối với phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào nguồn lực địa phương hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 6. Cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động khai thác vận tải

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào nguồn lực địa phương trợ giá hoặc hỗ trợ chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Ưu tiên xây dựng mô hình Trung tâm quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt để giám sát và quản lý chất lượng dịch vụ xe buýt tại các địa phương.



Điều 7. Cơ chế, chính sách trợ giá cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào nguồn lực địa phương trợ giá cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt như sau:

1. Miễn tiền vé đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Giảm giá vé đối với người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam.

Điều 8. Điều kiện được áp dụng ưu đãi trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được áp dụng ưu đãi theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này cần phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

b) Các dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải

a) Chủ trì tổng hợp, kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng trên toàn quốc, đồng thời phối hợp, hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai xây dựng tiêu chí để xác định loại phương tiện tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch làm cơ sở để miễn lệ phí trước bạ; nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải công cộng bằng xe buýt;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương ban hành danh mục phụ tùng, linh kiện để sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trong nước đã sản xuất được làm cơ sở để xác định các phụ tùng, linh kiện, máy móc, thiết bị trong nước chưa sản xuất được để miễn thuế nhập khẩu;

d) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia trong công tác thông tin, truyền thông để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

đ) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát cân đối ngân sách hàng năm để phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

e) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thanh tra việc thực thi các quy định của pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, ban hành Thông tư hướng dẫn miễn thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện để sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thuộc loại trong nước chưa sản xuất được;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan hướng dẫn việc miễn lệ phí trước bạ đối với phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

c) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát cân đối ngân sách hàng năm để phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương ban hành danh mục phụ tùng, linh kiện để sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trong nước đã sản xuất được làm cơ sở để xác định các phụ tùng, linh kiện, máy móc, thiết bị trong nước chưa sản xuất được để miễn thuế nhập khẩu.

4. Bộ Công Thương

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục phụ tùng, linh kiện để sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trong nước đã sản xuất được làm cơ sở để xác định các phụ tùng, linh kiện, máy móc, thiết bị trong nước chưa sản xuất được để miễn thuế nhập khẩu.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng tiêu chí để xác định loại phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch làm cơ sở để miễn lệ phí trước bạ; nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải công cộng bằng xe buýt.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia trong công tác thông tin, truyền thông để khuyến khích học sinh, sinh viên sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia trong công tác thông tin, truyền thông để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

8. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải kiểm tra, thanh tra việc thực thi các quy định của pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

9. Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia

a) Hàng năm, xây dựng kế hoạch phục vụ việc bố trí kinh phí cho công tác thông tin, truyền thông nhằm khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác thông tin, truyền thông để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tổ chức thực hiện đúng quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đã được phê duyệt; bố trí đủ quỹ đất xây dựng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

b) Kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải cân đối ngân sách hàng năm để phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

d) Ban hành cụ thể mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trên địa bàn;

đ) Bố trí ngân sách địa phương trong kế hoạch hàng năm để hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ các loại phí và giá dịch vụ trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.



Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

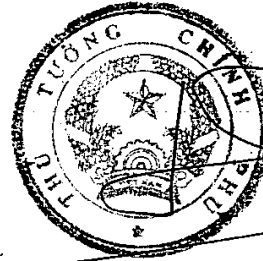
Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b) pvc *LAO*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng